TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2021/QĐST- HNGĐ	*Thuận Nam, ngày 13 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 127/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: chị Đào Thị L - sinh năm 1983, trú tại: Thôn S, xã P, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: anh Nguyễn N - sinh năm 1980, trú tại: Thôn S, xã P, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Đào Thị L và anh Nguyễn N xác định tài sản chung yêu cầu chia gồm 01 căn nhà cấp 4 nhà, vật kiến trúc khác và đất gắn liền nhà tọa lạc tại thôn S, xã P trị giá 200.000.000đ và thống nhất chia như sau:

- Chia anh Nguyễn N được quyền sở hữu hiện vật gồm: 01 căn nhà xây cấp 4, kết cấu: móng xây đá chẻ, nền lát gạch cêramic, tường xây tô sơn có ốp men, mái tôn lạnh, kèo sắt, cửa không kính, có đóng trần la phong thạch cao, diện tích (4,5m x 4,3m) + (9,4m x 4,9m); Nhà vệ sinh cấp 4B kết cấu móng xây đá chẻ, nền lát gạch men, tường xây tô sơn có ốp men, mái tôn firoximăng, cửa nhôm, diện tích (1,9m x 1,4m) + (1,3m x 1,4m); Sân bê tông phía sau nhà, diện tích 2,7m x 4,3m; Mái che tôn lạnh, kèo gỗ, trụ bêtông, kết cấu trụ xây gạch diện tích 4m x 5m; Mái che tôn firoximăng diện tích 4,3m x 0,9m; Tường rào xây gạch kết hợp khung gỗ dài 5,8m, cao 1,8m; Sân lát gạch men diện tích (4m x 5,8m) + (0,9m x 4,3m).

- Chia anh Nguyễn N được quyền sử dụng diện tích đất 112m^2 gắn liền nhà, thuộc thửa số 341 tờ bản đồ số 48a xã P; đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số: BE 541994 ngày 01/9/2011 đứng tên anh Nguyễn N

- Anh Nguyễn N thống nhất bù chênh lệch giá trị tài sản cho chị Đào Thị L số tiền 100.000.000đ *(một trăm triệu đồng)*.

- Các tài sản khác chị L, anh N không yêu cầu giải quyết.

- Về chi phí định giá: Tổng số tiền đã chi phí định giá tài sản do chị L tạm ứng là 5.000.000đ. Anh N và chị L mỗi người chịu 2.500.000đ chi phí định giá tài sản. Anh N có nghĩa vụ hoàn trả cho chị L 2.500.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hàn hán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Chị L, anh N chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: 200.000.000đ x 2.5% = 5.000.000đ; anh N, chị L mỗi người chịu 2.500.000đ (5.000.000đ : 2). Chị L được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.200.000đ tại biên lai thu tiền số 0023547 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam. Hoàn trả cho chị L số tiền 11.700.000đ theo biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Thuận Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Thức